TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn giữa anh L và chị Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Minh Quang
2. Ông Nguyễn Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An;

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 423/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Hoàng L**, sinh năm 1990 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 179, Khu 8, thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước, tỉnh Long An;

Bị đơn: Chị **Trà Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1990 (Vắng mặt không lý do);

Địa chỉ: Ấp 7, xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Hoàng L trình bày:

Anh và chị Đ quen biết, tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước, tỉnh Long An năm 2015. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về sinh sống bên nhà cha mẹ ruột của anh được gần 01 tuần thì chị Đ xin về nhà cha mẹ ruột chơi rồi không trở lại nhà chồng nữa. Anh và cha mẹ của anh có đến rước 02 lần nhưng chị Đ không về và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay; bản thân anh cũng không biết lý do chị Đ bỏ đi vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Sau khi gửi đơn xin ly hôn, anh có đến thăm con và gặp chị Đ để nói chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, mà ngược lại giữa anh và em vợ có mâu thuẫn với nhau.

Nay tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, không thể hàn gắn và anh không còn tình nghĩa gì với chị Đ nên anh yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh và chị Đ có 01 người con chung tên Phạm Ngọc Trâm A, sinh ngày 27/8/2016, chị Đ đang là người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và không cấp dưỡng cho con.

Về chia tài sản, nợ chung: Không có tài sản chung; không có nợ chung.

Bị đơn chị Đ vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa anh Phạm Hoàng L với chị Trà Thị Ngọc Đ là tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Chị Trà Thị Ngọc Đ đã được Tòa án tống đạt các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toàn và các Thông báo phiên tòa theo quy định của pháp luật tố tụng, nhưng chị Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị Đ.

[3] Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của anh L; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai, khách quan tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[4] Về hôn nhân: Anh Phạm Hoàng L và chị Trà Thị Ngọc Đ xác lập quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước, tỉnh Long An ngày 25/12/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2015, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh L và chị Đ sinh sống cùng gia đình cha mẹ của anh L gần 01 tuần thì chị Đ bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị Đ sinh sống; anh L và chị Đ ly thân luôn từ đó. Anh L cùng cha mẹ của anh L có đến rước 02 lần nhưng chị Đ không đồng ý quay về chung sống cùng anh L.

[5] Theo lời trình bày của anh L, giữa hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn. Đời sống chung của vợ chồng chỉ kéo dài trong khoảng gần 01 tuần thì chị Đ bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị Đ sinh sống không rõ lý do. Anh L cùng cha mẹ ruột đã 02 lần đến rước chị Đ về nhưng chị Đ không đồng ý. Sau khi nộp đơn xin ly hôn, anh L có đến gặp chị Đ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Tòa án đã tiến hành tống đạt các Thông báo, Quyết định của Tòa án về việc giải quyết vụ án nhưng chị Đ không có ý kiến thể hiện quan điểm; không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh L và chị Đ không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, anh L được ly hôn với chị Đ.

[6] Về nuôi con chung: Anh Phạm Hoàng L và chị Trà Thị Ngọc Đ có 01 người con chung tên Phạm Ngọc Trâm A, sinh ngày 27/8/2016, chị Đ đang là người nuôi con. Sau khi khi ly hôn, anh L đồng ý giao con cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Hội đồng xét xử xét thấy giao người con chung Phạm Ngọc Trâm A cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, nguyện vọng của anh L, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận để chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

[7] Về cấp dưỡng cho con: Cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị Đ chưa có ý kiến về việc cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi yêu cầu cấp dưỡng hoặc mức cấp dưỡng cho con theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[8] Chia tài sản chung và nợ chung: Anh L trình bày không có nợ chung, không có tài sản chung; chị Đ không có ý kiến về chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, không đề cập.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Phạm Hoàng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng các điều 35, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Phạm Hoàng L, anh L được ly hôn với chị Trà Thị Ngọc Đ.

Về nuôi con chung: Giao người con tên Phạm Ngọc Trâm A, sinh ngày 27/8/2016 cho chị Trà Thị Ngọc Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nhưng chị Đ chưa có ý kiến yêu cầu anh L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi yêu cầu cấp dưỡng hoặc mức cấp dưỡng cho con theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về án phí: Anh Phạm Hoàng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000346 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An, anh L đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn anh Phạm Hoàng L, báo cho anh L biết được quyền kháng cáo bản án trong trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Trà Thị Ngọc Đ vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Long An;
- VKS huyện Cần Đước;
- Thi hành án huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HUỲNH HỮU NGHĨA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ ~~luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ~~ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".
Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).
(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.
(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.
(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)